

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2020/DS-ST**  
Ngày 30-6-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH  
DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nữ
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Châu Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một không tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 137/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Kim N, sinh năm 1961, cư trú tại: phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn K, sinh năm 1960; cư trú tại: phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1]. Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2020; đơn khởi kiện bổ sung ngày 04 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Kim N trình bày:

Từ ngày 05/12/2019 đến ngày 05/02/2020, bà N cho cho ông Đặng Văn K vay nhiều lần với tổng số tiền là 3.650.000.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Ngày 05/12/2019, bà N cho ông K vay 800.000.000 đồng; thời hạn trả là 01 tháng.

+ Ngày 05/01/2020, bà N cho ông K vay 800.000.000 đồng; thỏa thuận 02 tháng sau sẽ trả.

+ Ngày 20/01/2020, bà N tiếp tục cho ông K vay 650.000.000 đồng; thời hạn trả là 01 tháng.

+ Ngày 05/02/2020, bà N cho ông K vay 1.400.000.000 đồng; thời hạn vay là 01 tháng.

Khi cho vay thì ông K có giao cho bà N 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) để làm tin, cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 021xxx (sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H003xx) do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp ngày 24/02/2005 mang tên ông Đặng Văn K, bà Nguyễn Thị H; và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 284xxx (sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H231xx) do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp ngày 27/4/2007 mang tên hộ ông Đặng Văn K.

Mặc dù trong giấy biên nhận nợ không thỏa thuận lãi suất vay, nhưng các bên có thỏa thuận bằng lời nói là 5%/tháng. Vì vậy, bà N yêu cầu ông K phải trả cho bà N số tiền lãi là 120.000.000 đồng.

Tổng cộng, bà N yêu cầu ông K phải trả cho bà N số tiền gốc là 3.650.000.000 đồng và tiền lãi là 120.000.000 đồng; tổng cộng là 3.770.000.000 đồng.

[2]. Bị đơn ông Đặng Văn K đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông K đều vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông K được.

*Tại phiên tòa,*

- Nguyên đơn bà Trần Kim N vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

- Bị đơn ông Đặng Văn K vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vụ án được thụ lý, thụ lý vụ án bổ sung và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng thời hạn theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trình tự thụ lý, việc xác minh, thu thập và giao nhận chứng cứ, các văn bản tố tụng đầy đủ đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm;

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nhận thấy, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định, riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 16 tháng 3 và ngày 04 tháng 5 năm 2020, bà Trần Kim N có đơn khởi kiện yêu cầu ông Đặng Văn K phải trả số tiền đã vay theo “Giấy mượn tiền” các ngày 05/12/2019; 05/01/2020; 20/01/2020 và 05/02/2020 với tổng số tiền là 3.650.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 120.000.000 đồng nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[1.2]. *Về thẩm quyền*: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Đặng Văn K đang cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[1.3]. *Về sự tham gia phiên tòa của đương sự*: Tại phiên tòa, bị đơn ông Đặng Văn K vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Đặng Văn K.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim N về số tiền gốc là 3.650.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo các “Giấy mượn tiền” ngày 05/12/2019; 05/01/2020; 20/01/2020 và 05/02/2020 thể hiện ông K có vay của bà N tổng số tiền là 3.650.000.000 đồng. Thời hạn vay theo “Giấy mượn tiền” ngày 05/12/2019 là 01 tháng; ngày 05/01/2020 là 02 tháng; ngày 20/01/2020 là 01 tháng và ngày 05/02/2020 là 01 tháng. Như vậy, chậm nhất ngày 05/3/2020 ông K phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền theo các giấy biên nhận ngày 05/12/2019; 05/01/2020; 20/01/2020 và 05/02/2020 cho bà N. Tuy nhiên, theo bà N thì hết ngày 05/3/2020 ông K vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình; trong hồ sơ vụ án, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ông K đã thực hiện một phần hay toàn bộ nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự thì “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà N, buộc ông K phải trả cho bà N số tiền đã vay theo các “Giấy mượn tiền” ngày 05/12/2019; 05/01/2020; 20/01/2020 và 05/02/2020 là 3.650.000.000 đồng.

[3]. Đối với yêu cầu số tiền lãi là 120.000.000 đồng, xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, bà N cho rằng: Mặc dù trong các giấy mượn tiền không thể hiện lãi suất vay, tuy nhiên giữa bà N và ông K có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất là 5%/tháng, nhưng bà N lại không có chứng cứ để chứng minh, vì vậy chỉ có thể xác định giao dịch vay tiền giữa bà N và ông K theo các “Giấy mượn tiền” ngày 05/12/2019; 05/01/2020; 20/01/2020 và 05/02/2020 là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi. Quá thời hạn trả nợ nhưng ông K vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình thì ông K phải trả lãi cho bà N theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự, với số tiền lãi cụ thể như sau:

+ Đối với “Giấy mượn tiền” ngày 05/12/2019, số tiền vay là 800.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng thì ông K phải trả số tiền lãi cho bà N là:

$800.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/12\text{tháng} \times 5 \text{ tháng} \times 24 \text{ ngày (từ ngày 06/01/2020 đến ngày 30/6/2020)} = 38.667.000 \text{ đồng};$

+ Đối với “Giấy mượn tiền” ngày 05/01/2020, số tiền vay là 800.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng thì ông K phải trả số tiền lãi cho bà N là:

$800.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/12\text{tháng} \times 3 \text{ tháng} \times 24 \text{ ngày (từ ngày 06/3/2020 đến ngày 30/6/2020)} = 25.333.000 \text{ đồng};$

+ Đối với “Giấy mượn tiền” ngày 20/01/2020, số tiền vay là 650.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng thì ông K phải trả số tiền lãi cho bà N là:

$650.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/12\text{tháng} \times 4 \text{ tháng} \times 09 \text{ ngày (từ ngày 21/02/2020 đến ngày 30/6/2020)} = 23.300.000 \text{ đồng};$

+ Đối với “Giấy mượn tiền” ngày 05/02/2020, số tiền vay là 1.400.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng thì ông K phải trả số tiền lãi cho bà N là:

$1.400.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/12\text{tháng} \times 3 \text{ tháng} \times 24 \text{ ngày (từ ngày 06/03/2020 đến ngày 30/6/2020)} = 44.333.000 \text{ đồng};$

Tổng số tiền lãi ông K phải trả cho bà N là: 131.633.000 đồng, tuy nhiên bà N chỉ yêu cầu số tiền là 120.000.000 đồng nên yêu cầu của bà N về phần lãi được chấp nhận.

[4]. Tổng cộng, buộc ông K phải trả cho bà N số tiền đã vay theo các “Giấy mượn tiền” ngày 05/12/2019; 05/01/2020; 20/01/2020 và 05/02/2020 và lãi phát sinh là: 3.770.000.000 đồng.

[5]. Theo bà N thì khi vay số tiền trên, ông K có giao cho bà N 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin, cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 021xxx (số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H003xx) do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp ngày 24/02/2005 mang tên ông Đặng Văn K, bà Nguyễn Thị H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 284xxx (số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H231xx) do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp ngày 27/4/2007 mang tên hộ ông Đặng Văn K. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xác định đây chính là hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay tiền. Nhưng, các quyền sử dụng đất ông K thế chấp cho bà N, được Nhà nước cấp cho ông Đặng Văn K, bà Nguyễn Thị H và cấp cho hộ ông Đặng Văn K, khi ông K thế chấp cho bà N thì không có sự đồng ý của bà H và các thành viên trong hộ của ông K, cũng không có giấy ủy quyền của bà H và các thành viên trong hộ của ông K cho ông K đứng ra thế chấp cho bà N là vi phạm Điều 101, Điều 218 của Bộ luật Dân sự; việc thế chấp giữa bà N và ông K không lập thành văn bản, không có công chứng, không đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 188 của Luật Đất đai. Như vậy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà N và ông K là vô hiệu theo quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ Điều 131 của Bộ luật Dân sự, buộc bà N phải trả lại cho ông K bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 021xxx (số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H003xx) do Ủy ban nhân dân thị xã Thủ Dầu Một cấp ngày 24/02/2005 mang tên ông Đặng Văn K, bà Nguyễn Thị H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 284xxx (số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H231xx) do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp ngày 27/4/2007 mang tên hộ ông Đặng Văn K.

[6]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Ông K phải chịu trên số tiền trả cho bà N (số tiền 3.770.000.000 đồng), với số tiền án phí cụ thể là:

72.000.000 đồng (của số tiền 2.000.000.000 đồng) + 2% x 1.770.000.000 đồng (của số tiền vượt quá 2.000.000.000 đồng) = 107.400.000 đồng.

- Bà N không phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 101, 122, 131, 218, 357, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 188 của Luật Đất đai.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim N đối với bị đơn ông Đặng Văn K về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1.1. Buộc ông Đặng Văn K phải trả cho bà Trần Kim N số tiền đã vay theo các Giấy nhận nợ ngày 05/12/2019; ngày 05/01/2020; ngày 20/01/2020 và ngày 05/02/2020 và tiền lãi phát sinh là: 3.770.000.000 đồng (Ba tỷ bảy trăm bảy mươi triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

2. Bà Trần Kim N có trách nhiệm trả lại cho ông Đặng Văn K 02 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 021xxx (số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H003xx) do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp ngày 24/02/2005 mang tên ông Đặng Văn K, bà Nguyễn Thị H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 284xxx (số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H231xx) do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp ngày 27/4/2007 mang tên hộ ông Đặng Văn K.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Đặng Văn K phải nộp 107.400.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu bốn trăm ngàn đồng).

3.2. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Trần Kim N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 54.700.000 đồng (Năm mươi bốn triệu bảy

trăm ngàn đồng) theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041620 ngày 17/4/2020 và số 041796 ngày 05/5/2020.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

5. Bà Trần Kim N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Đặng Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thế Vọng**